

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG

NGUYỄN ANH TUẤN

PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG
NÔNG NGHIỆP THÀNH PHỐ ĐỒNG HỚI,
TỈNH QUẢNG BÌNH

Chuyên ngành: Kinh tế phát triển

Mã số: 60.31.05

TÓM TẮT LUẬN VĂN THẠC SĨ KINH TẾ

Đà Nẵng - Năm 2014

Công trình được hoàn thành tại
ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG

Người hướng dẫn khoa học: **TS. NGUYỄN THANH LIÊM**

Phản biện 1: **TS. NINH THỊ THU THỦY**

Phản biện 2: **TS. HỒ ĐÌNH BẢO**

Luận văn được bảo vệ trước Hội đồng chấm Luận văn tốt nghiệp thạc sĩ Kinh tế Phát triển họp tại Đại học Đà Nẵng vào ngày 22 tháng 02 năm 2014

Có thể tìm hiểu luận văn tại:

- Trung tâm Thông tin - Học liệu, Đại học Đà Nẵng
- Thư viện trường Đại học Kinh tế, Đại học Đà Nẵng

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Nông nghiệp là ngành sản xuất vật chất cơ bản của xã hội cung cấp nhiều loại sản phẩm thiết yếu cho đời sống xã hội, là thị trường rộng lớn của nền kinh tế, cung cấp nguồn nhân lực và tạo nên tích lũy ban đầu cho sự nghiệp phát triển của đất nước.

Phát triển bền vững nông nghiệp nhằm tạo dựng một ngành nông nghiệp có cơ cấu kinh tế hợp lý, qua đó phát huy mọi tiềm năng sản xuất, tăng năng suất lao động, giải quyết việc làm, nâng cao thu nhập và cải thiện mức sống cho người nông dân, thực hiện công bằng xã hội và bảo vệ môi trường.

Thực trạng phát triển nông nghiệp thời gian qua chưa tương xứng với tiềm năng của thành phố Đồng Hới, đặc biệt quá trình phát triển còn theo chiều rộng chỉ chú ý phát triển kinh tế, chưa thật sự chú ý phát triển chiều sâu, chưa chú ý đến vấn đề môi trường cũng như vấn đề xã hội trong nông nghiệp và nông thôn, vì lẽ đó việc phát triển bền vững nông nghiệp được coi là một yêu cầu cấp thiết tại thành phố Đồng Hới.

Từ vấn đề cấp thiết trên, tác giả chọn đề tài ***“Phát triển bền vững nông nghiệp thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình”*** làm đề tài nghiên cứu thực tiễn.

2. Mục tiêu nghiên cứu của đề tài

- Hệ thống các vấn đề lý luận liên quan đến phát triển bền vững nông nghiệp.

- Phân tích thực trạng phát triển nông nghiệp thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình thời gian qua.

- Đề xuất giải pháp phát triển bền vững nông nghiệp thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình thời gian tới.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

3.1. Đối tượng

Là những vấn đề lý luận và thực tiễn có liên quan đến phát triển bền vững nông nghiệp thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình.

3.2. Phạm vi

- Về nội dung: Đề tài chỉ tập trung nghiên cứu các vấn đề liên quan

đến đến phát triển bền vững nông nghiệp thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình.

- Về không gian: Các nội dung trên được tập trung nghiên cứu tại thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình.

- Về thời gian: Các giải pháp đề xuất trong luận văn có ý nghĩa trong 05 năm tới.

4. Phương pháp nghiên cứu

Để thực hiện các mục đích nghiên cứu nói trên đề tài sử dụng các phương pháp sau đây:

+ Phương pháp phân tích thực chứng, phương pháp phân tích chuẩn tắc.

+ Phương pháp phân tích, tổng hợp, khái quát hóa.

+ Một số phương pháp khác.

5. Bộ cục của luận văn

Ngoài phần mục lục, mở đầu, danh mục tài liệu tham khảo ... đề tài được chia làm 3 chương:

Chương 1: Một số vấn đề lý luận về phát triển bền vững nông nghiệp

Chương 2: Thực trạng phát triển bền vững nông nghiệp thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình thời gian qua

Chương 3: Giải pháp phát triển bền vững nông nghiệp thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình thời gian tới

6. Tổng quan tài liệu nghiên cứu

Phát triển bền vững nông nghiệp là sự phát triển đòi hỏi phải kết hợp chặt chẽ, hợp lý và hài hòa giữa ba mặt của sự phát triển là kinh tế, xã hội và môi trường nhằm thỏa mãn nhu cầu hiện tại của xã hội mà không làm ảnh hưởng tới nhu cầu của thế hệ tương lai. Khái niệm về phát triển bền vững nói chung và phát triển bền vững nông nghiệp nói riêng được tiếp cận ở những góc độ khác nhau, những quan điểm khác nhau của các tổ chức quốc tế. Tuy nhiên, chưa có một công trình, một tác giả nào nghiên cứu cụ thể vấn đề phát triển bền vững nông nghiệp ở thành phố Đồng Hới, nơi có những đặc thù riêng về lịch sử, văn hóa, điều kiện tự nhiên cũng như những tiềm năng, thế mạnh và cả những tồn tại thực tế riêng vốn có của thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình.

CHƯƠNG 1

MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG NÔNG NGHIỆP

1.1. KHÁI QUÁT VỀ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG NÔNG NGHIỆP

1.1.1. Một số khái niệm

a. Nông nghiệp

Nông nghiệp nếu hiểu theo nghĩa hẹp chỉ có: ngành trồng trọt, ngành chăn nuôi. Còn nông nghiệp hiểu theo nghĩa rộng nó còn bao gồm cả ngành lâm nghiệp và ngành thủy sản.

Nông nghiệp là ngành duy nhất tạo ra lương thực, thực phẩm, đây là yếu tố đầu tiên, có tính chất quyết định sự tồn tại và phát triển của con người và phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.

Nông nghiệp là ngành sản xuất mà đối tượng của nó là các cơ thể sống - cây trồng và vật nuôi, bị chi phối bởi quy luật sinh học và các điều kiện ngoại cảnh.

b. Phát triển bền vững

Khái niệm về phát triển bền vững: “Phát triển bền vững là sự phát triển trong đó kết hợp chặt chẽ, hợp lý và hài hòa ba mặt của sự phát triển là kinh tế, xã hội và môi trường nhằm thoả mãn được nhu cầu xã hội hiện tại nhưng không tổn hại tới sự thoả mãn các nhu cầu của thế hệ tương lai”.

c. Phát triển bền vững nông nghiệp

“Phát triển bền vững nông nghiệp là quá trình phát triển theo hướng tăng lên của năng suất cây trồng, vật nuôi, tạo ra nhiều sản phẩm có chất lượng ngày càng cao trong điều kiện khai thác hợp lý, hiệu quả tài nguyên thiên nhiên, không làm tổn hại đến môi trường nhằm thoả mãn nhu cầu hiện tại ngày càng tăng về sản phẩm nông nghiệp nhưng không làm giảm khả năng ấy đối với các thế hệ tương lai”.

1.1.2. Đặc điểm của sản xuất nông nghiệp

Sản xuất nông nghiệp có những đặc điểm riêng mà các ngành sản xuất khác không thể có, đó là:

- Đối tượng của sản xuất nông nghiệp bao gồm nhiều loại cây trồng, vật nuôi có yêu cầu khác nhau về môi trường, điều kiện ngoại cảnh để sinh ra và

lớn lên.

- Trong nông nghiệp, đất đai là tư liệu sản xuất chủ yếu, là môi trường sống không thể thiếu được của cây trồng và vật nuôi.

- Sản xuất nông nghiệp mang tính thời vụ cao, thời gian lao động không trùng khớp với thời gian sản xuất mà chỉ là một phần của thời gian sản xuất, nằm xen kẽ trong thời gian sản xuất.

- Sản xuất nông nghiệp được phân bố trên một phạm vi và địa bàn rộng lớn, phức tạp, phụ thuộc vào điều kiện tự nhiên nên mang tính khu vực rõ rệt.

1.1.3. Ý nghĩa của phát triển bền vững nông nghiệp

- Nông nghiệp có vai trò quan trọng trong việc cung cấp các yếu tố đầu vào cho công nghiệp và khu vực thành thị. Nông nghiệp là khu vực dự trữ và cung cấp lao động cho phát triển công nghiệp và đô thị; nông nghiệp là nguồn cung cấp nguyên liệu cho công nghiệp - đặc biệt là công nghiệp chế biến.

- Nông nghiệp và nông thôn là thị trường tiêu thụ sản phẩm của công nghiệp bao gồm tư liệu sản xuất và tư liệu tiêu dùng.

- Nông nghiệp là ngành cung cấp ngoại tệ cho nền kinh tế thông qua xuất khẩu nông sản.

1.2. NỘI DUNG CỦA PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG NÔNG NGHIỆP

1.2.1. Phát triển bền vững nông nghiệp về kinh tế

Phát triển bền vững nông nghiệp về kinh tế là sự phát triển đảm bảo tăng trưởng, phát triển ổn định lâu dài về mặt kinh tế của nông nghiệp, góp phần tích cực vào sự phát triển của quốc gia, cộng đồng. Mục tiêu của phát triển bền vững về kinh tế là nâng cao hiệu quả kinh tế trong sản xuất nông nghiệp đảm bảo sự tăng trưởng ổn định với cơ cấu hợp lý, đáp ứng yêu cầu nâng cao đời sống của người dân, tránh được sự suy thoái hoặc đình trệ trong tương lai.

1.2.2. Phát triển bền vững nông nghiệp về xã hội

Phát triển bền vững nông nghiệp về xã hội chính là sự đóng góp cụ thể của nông nghiệp cho phát triển xã hội, đảm bảo sự công bằng trong phát triển. Phát triển bền vững nông nghiệp về xã hội phải đảm bảo để

cuộc sống của người nông dân đạt kết quả ngày càng cao, nâng cao thu nhập, đảm bảo cuộc sống gia đình, cải thiện chất lượng cuộc sống, góp phần xóa đói giảm nghèo, giảm khoảng cách giàu nghèo giữa các tầng lớp và nhóm xã hội. Giảm các tệ nạn xã hội, nâng cao trình độ văn minh về đời sống vật chất và tinh thần cho người nông dân.

1.2.3. Phát triển bền vững nông nghiệp về môi trường

Phát triển bền vững nông nghiệp về môi trường là khai thác hợp lý, sử dụng tiết kiệm và hiệu quả tài nguyên thiên nhiên; phòng ngừa, ngăn chặn và kiểm soát có hiệu quả ô nhiễm môi trường. Việc khai thác đất đai, nguồn nước để sản xuất nông nghiệp cần phải duy trì được chất lượng đất, bảo vệ nguồn nước, hạn chế ô nhiễm môi trường. Cần tránh khai thác cạn kiệt các nguồn lợi tự nhiên nhằm đảm bảo cho hoạt động sản xuất nông nghiệp có hiệu quả. Quá trình phát triển bền vững nông nghiệp cần chú trọng đến bảo vệ môi trường nhằm đảm bảo sự đa dạng và bền vững của môi trường sinh thái.

1.3. NHÂN TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN VIỆC PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG NÔNG NGHIỆP

1.3.1. Các nhân tố về tự nhiên

Các nhân tố về điều kiện tự nhiên bao gồm: Vị trí địa lý, đất đai, thời tiết, khí hậu..., các nhân tố này ảnh hưởng trực tiếp đến sự phát triển của ngành nông nghiệp.

1.3.2. Các nhân tố về xã hội

Nhân tố về xã hội bao gồm: Quy mô dân số, mật độ dân số, cấu trúc dân tộc, trình độ văn hóa của lao động nông nghiệp, tập quán xã hội, truyền thống văn hóa... ảnh hưởng lớn đến sự phát triển bền vững nông nghiệp.

1.3.3. Các nhân tố về kinh tế

Nhân tố về xã hội bao gồm: Nguồn vốn, nhân tố thị trường, kết cấu hạ tầng, khoa học kỹ thuật - công nghệ và các chính sách.

1.4. KINH NGHIỆM VỀ PHÁT TIỀN BỀN VỮNG NỀN NÔNG NGHIỆP

1.4.1. Kinh nghiệm của các quốc gia trên thế giới

1.4.2. Kinh nghiệm của một số địa phương trong nước

1.4.3. Bài học kinh nghiệm

KẾT LUẬN CHƯƠNG 1

Chương 1 trình bày những vấn đề lý luận cơ bản và cụ thể hóa những vấn đề lý luận cơ bản về phát triển bền vững nông nghiệp nhằm xác định bộ phận cấu thành và mối liên hệ chặt chẽ của phát triển bền vững nông nghiệp gồm: Phát triển bền vững nông nghiệp về kinh tế, Phát triển bền vững nông nghiệp về xã hội và Phát triển bền vững nông nghiệp về môi trường.

Khái quát cơ bản nội dung, tiêu chí đánh giá phát triển bền vững nông nghiệp về kinh tế, xã hội và môi trường. Đồng thời đánh giá các nhóm nhân tố ảnh hưởng đến phát triển bền vững nông nghiệp gồm: Các nhân tố về tự nhiên, các nhân tố về kinh tế và các nhân tố về xã hội.

CHƯƠNG 2

THỰC TRẠNG PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP BỀN VỮNG THÀNH PHỐ ĐỒNG HỚI THỜI GIAN QUA

2.1. TÌNH HÌNH CƠ BẢN ẢNH HƯỞNG ĐẾN VIỆC PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG NÔNG NGHIỆP

2.1.1. Điều kiện tự nhiên

a. Vị trí địa lý

Đồng Hới là trung tâm tỉnh lỵ của tỉnh Quảng Bình. Có vị trí địa lý nằm trên quốc lộ 1A; Đường sắt Thống nhất Bắc Nam và đường Hồ Chí Minh chạy ngang qua thành phố.

b. Địa hình

Thành phố Đồng Hới có địa hình tương đối đa dạng, vừa có đồng bằng, đồng bằng hẹp xen lẫn đồi núi thấp và các dãy đồi cát ven biển. Địa hình của thành phố thấp dần từ Tây Bắc sang Đông Nam và có thể

chia ra các dạng địa hình chính như sau: Địa hình đồi núi thấp, địa hình đồng bằng, địa hình đồi cát ven biển

c. Thời tiết, khí hậu

Thời tiết khí hậu của thành phố Đồng Hới mang tính chất đặc trưng chế độ khí hậu nhiệt đới gió mùa, trung bình một năm có 1.350 - 1.750 giờ nắng, một năm có 2 mùa: mùa khô và mùa mưa. Nhiệt độ trung bình năm là: 23,4oC. Lượng mưa hàng năm giao động trong khoảng 2.000mm - 3.000mm.

d. Tài nguyên thiên nhiên

- Tài nguyên đất:

Thành phố Đồng Hới có tổng diện tích là 15.570 ha. Trong đó: Đất nông-lâm-thủy sản là 10.020 ha; Đất phi nông nghiệp là 4.869 ha; Đất chưa sử dụng là 681 ha.

Các nhóm đất chính như sau:

+ Nhóm đất cồn cát và đất cát ven biển: có diện tích 693 ha, chiếm 4,45 %.

+ Nhóm đất phèn mặn: có diện tích 431 ha, chiếm 2,77 %.

+ Nhóm đất phù sa đồng bằng: có diện tích 2.759 ha, chiếm 17,72 %.

+ Nhóm đất đỏ vàng: có diện tích 6.980 ha, chiếm 44,83 %.

- Tài nguyên nước:

Hệ thống sông ngòi của thành phố Đồng Hới gồm có sông Nhật Lệ, sông Mỹ Cương và sông Lê Kỳ. Nguồn nước ngọt chủ yếu phục vụ cho sinh hoạt và sản xuất nông nghiệp của thành phố Đồng Hới được cung cấp chủ yếu từ hồ Phú Vinh, hồ Bàu Tró và hồ Đồng Sơn;

- Tài nguyên biển và ven biển:

Đồng Hới nằm ngay dọc bờ biển với chiều dài 12 km về phía Đông thành phố, nguồn lợi thủy sản của biển Đồng Hới tương đối phong phú về trữ lượng và chủng loại. Tuy nhiên, do cửa biển hẹp, thường xuyên bị cát bồi lấp và thay đổi dòng chảy gây khó khăn cho tàu thuyền khi cập cảng cũng như khi ra khơi đánh cá.

- Tài nguyên khoáng sản:

Do đặc điểm điều kiện địa lý nằm ở khu vực đồng bằng ven biển nên nguồn tài nguyên khoáng sản tại thành phố Đồng Hới tương đối khiêm tốn, theo số liệu thăm dò đánh giá thì khoáng sản trên địa bàn bao gồm: Cát, sạn ven các con sông Mỹ Cương, sông Phú Vinh. Cát trắng tại các xã ven biển như Bảo Ninh, Hải Thành, Quang Phú.

2.1.2. Điều kiện kinh tế

a. Tình hình phát triển kinh tế

Tăng trưởng kinh tế có tầm quan trọng hàng đầu nhằm duy trì sự tăng trưởng cao và bền vững. Giá trị sản xuất các ngành kinh tế tăng từ 3.329,11 tỷ đồng năm 2007 lên 6.308,51 tỷ đồng năm 2010 và năm 2012 đạt 8.812,84 tỷ đồng.

Bảng 2.2. Giá trị sản xuất các ngành kinh tế của thành phố Đồng Hới

(Đơn vị tính: tỷ đồng)

Chỉ tiêu	Giá trị sản xuất (tỷ đồng)						Tốc độ tăng b/q (%)
	2007	2008	2009	2010	2011	2012	
Tổng số	3.329,11	4.337,02	4.996,33	6.308,51	7.703,54	8.812,84	18,0
1. Nông nghiệp	275,99	406,83	440,27	500,04	641,59	696,47	17,7
2. CN-XD	1.421,81	1.617,12	1.727,00	1.881,60	2.224,76	2.472,24	9,8
3. Dịch vụ	1.631,31	2.313,06	2.829,06	3.926,87	4.837,19	5.644,13	23,8

(Nguồn: Niên giám thống kê thành phố Đồng Hới, 2009-2012)

Giá trị sản xuất năm 2012 đạt 8.812,84 tỷ đồng gấp 2,65 lần so với năm 2007. Tốc độ tăng trưởng bình quân hàng năm 18% cao hơn mức tăng trưởng bình quân chung của tỉnh Quảng Bình (10%). Trong đó ngành dịch vụ có tốc độ tăng nhanh nhất với tốc độ bình quân hàng năm tăng 23,8%.

b. Cơ cấu kinh tế

Cơ cấu kinh tế của Đồng Hới là chuyển dịch theo hướng giảm tỷ trọng sản xuất nông nghiệp, tăng tỷ trọng công nghiệp và dịch vụ.

Bảng 2.3. Chuyển dịch cơ cấu kinh tế thành phố Đồng Hới.

Năm	2007	2008	2009	2010	2011	2012
Ngành	100,00	100,00	100,00	100,00	100,00	100,00
1. Nông nghiệp	8,29	9,38	8,81	7,93	8,33	7,91
2. CN-XD	42,71	37,29	34,57	29,83	28,88	28,05
3. Dịch vụ	49,00	53,33	56,62	62,25	62,79	64,04

(Nguồn niên giám thống kê thành phố Đồng Hới năm 2012).

Cơ cấu ngành nông nghiệp của thành phố chỉ chiếm xấp xỉ trên dưới 8% giá trị sản xuất của toàn thành phố. Năm 2012 cơ cấu giá trị các ngành sản xuất như sau:

- + Nông nghiệp chỉ còn: 7,91 %;
- + Công nghiệp xây dựng: 28,05 %;
- + Dịch vụ: 64,04 %;

c. Kết cấu hạ tầng

Là trung tâm kinh tế, văn hóa, chính trị của tỉnh, thành phố Đồng Hới đã chú trọng đầu tư xây dựng, nâng cấp hệ thống cơ sở hạ tầng. Đến nay hệ thống hạ tầng cơ sở của thành phố đã dần dần được hoàn thiện, nhất là hệ thống giao thông, hệ thống thủy lợi, hệ thống điện, chợ, thông tin liên lạc...

2.1.3. Điều kiện xã hội

Lao động là yếu tố quan trọng trong quá trình phát triển kinh tế của thành phố. Đến năm 2012 dân số của thành phố Đồng Hới là 113.885 người, trong đó nam chiếm 49,9%, nữ chiếm 50,1%. Cơ cấu này ít thay đổi và tương đối ổn định từ năm 1999 đến nay. Mật độ dân số của thành phố Đồng Hới tương đối cao 731 người/km². Trong khi đó dân số thành thị có xu hướng tăng từ 56,0% năm 1999 lên 67,9 % năm 2012, dân số nông thôn giảm từ 44,0% năm 1999 xuống còn 32,1% năm 2012.

2.2. THỰC TRẠNG PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG NÔNG NGHIỆP THÀNH PHỐ ĐỒNG HỚI THỜI GIAN QUA

2.2.1. Thực trạng phát triển bền vững nông nghiệp về kinh tế

a. Sản xuất nông nghiệp đáp ứng nhu cầu xã hội về sản phẩm nông nghiệp

Cơ cấu kinh tế của thành phố Đồng Hới giai đoạn 2001-2010 và

2010-2015 là Dịch vụ-Công nghiệp-Nông nghiệp. Từ định hướng phát triển đó nên giá trị sản xuất ngành nông nghiệp có xu hướng giảm dần qua các năm. Tuy nhiên ngành nông nghiệp vẫn đóng vai trò quan trọng trong quá trình phát triển kinh tế - xã hội của thành phố.

Bảng 2.8. Tỷ trọng giá trị các ngành sản xuất của thành phố Đồng Hới

Năm	2007	2008	2009	2010	2011	2012
Ngành	100,00	100,00	100,00	100,00	100,00	100,00
1. Nông nghiệp	8,29	9,38	8,81	7,93	8,33	7,90
2. CN- XD	42,71	37,29	34,57	29,83	28,88	28,05
3. Dịch vụ	49,00	53,33	56,62	62,25	62,79	64,04

(Nguồn: Niên giám thống kê thành phố Đồng Hới, 2009-2012)

- Giá trị sản xuất của ngành nông nghiệp thành phố trong những năm qua vẫn tăng, tuy nhiên tỷ trọng của ngành nông nghiệp vẫn chỉ xấp xỉ trong khoảng trên dưới 8%. Mục tiêu của thành phố trong thời gian tới là tiếp tục tăng tỷ trọng của ngành công nghiệp - xây dựng, giảm tỷ trọng ngành nông nghiệp.

- Trong nội bộ ngành nông nghiệp thì giá trị sản xuất của ngành thủy sản chiếm tỷ trọng lớn và có sự tăng trưởng. Đây cũng là một thế mạnh và là định hướng phát triển của thành phố trong quá trình phát triển kinh tế. Với một địa bàn có cả diện tích mặt nước ngọt và nước mặn - lợ cho phép nuôi trồng nhiều loại thủy sản có năng suất và giá trị kinh tế cao.

- Đối với ngành chăn nuôi của thành phố đang từng bước phát triển, chuyển từ chăn nuôi hộ gia đình sang chăn nuôi trang trại, chăn nuôi công nghiệp. Do ảnh hưởng của dịch bệnh nên tốc độ tăng trưởng của một số loại gia súc có chiều hướng giảm như đàn trâu, bò giảm từ 2.996 con năm 2007 xuống còn 2.050 con năm 2012, nguyên nhân là do ảnh hưởng của dịch lở mồm, long móng ở gia súc. Tổng đàn lợn trên địa bàn vẫn giữ được số lượng và có sự tăng trưởng nhẹ. Riêng đàn gia cầm mà đặc biệt là đàn gà có sự tăng trưởng từ 52.100 con năm 1997 lên 87.200 con năm 2012. Đây cũng là một nguồn thực phẩm đáng kể phục vụ cho nhu cầu đời sống của nhân dân.

b. Hiệu quả kinh tế của sản xuất nông nghiệp

Sản xuất nông nghiệp gắn liền với nguồn tài nguyên thiên nhiên đất, nước, do đó phát triển bền vững nông nghiệp phải trên cơ sở sử dụng các nguồn tài nguyên một cách hợp lý, mang lại hiệu quả kinh tế cho người nông dân. Điều này đòi hỏi người nông dân phải có sự đầu tư tăng năng suất lao động, năng suất ruộng đất và năng suất cây trồng. Năng suất của các loại cây trồng trên địa bàn thành phố vẫn có sự tăng trưởng tuy nhiên mức độ chưa cao và chưa đồng đều.

c. Sử dụng hiệu quả nguồn lực

- Tình hình sử dụng đất nông nghiệp

Trong những năm gần đây, đất đai trên địa bàn thành phố Đồng Hới đã được chuyển đổi và sử dụng phục vụ cho quá trình đô thị hóa. Cụ thể:

Đất nông - lâm - thủy sản từ 10.116,6 ha (chiếm 67,97%) năm 2007 xuống còn 10.020,5 ha (chiếm 64,36%) năm 2012.

Đất phi nông nghiệp từ 4.018,4 ha (chiếm 25,81%) tăng lên 4.868,9 ha (chiếm 31,27%).

Đất chưa sử dụng từ 1.435,5 ha (chiếm 9,22%) xuống còn 681,1 ha (chiếm 4,37%).

- Tình hình sử dụng lao động

Lợi thế rất lớn của thành phố Đồng Hới là có dân số trẻ với 33,86% dân số dưới 20 tuổi và chỉ có 9,1% dân số trên 60 tuổi. Lực lượng trong độ tuổi lao động của thành phố Đồng Hới tương đối dồi dào chiếm tới 58,4% dân số. Tuy nhiên, do quá trình đô thị hóa và chuyển dịch cơ cấu lao động sang các ngành công nghiệp, dịch vụ nên số lượng lao động trong ngành nông nghiệp giảm dần. Năm 2007 lực lượng lao động trong lĩnh vực nông nghiệp - lâm nghiệp - thủy sản chiếm khoảng 29% tổng số lao động làm việc trong các ngành kinh tế, đến năm 2009 số lượng chỉ còn khoảng 19,3% và đến năm 2012 lao động trong ngành nông - lâm - thủy sản chỉ chiếm khoảng 12,1% so với lực lượng lao động trong độ tuổi và chiếm 14,3% so với lực lượng lao động đang làm việc trong các ngành kinh tế trên địa bàn.

- Tình hình sử dụng vốn

Tổng số vốn đầu tư phát triển thành phố giai đoạn 2007 - 2012 là 5.514,3 tỷ đồng, trong đó đầu tư cho nông nghiệp là 55,6 tỷ đồng. Vốn đầu tư cho nông nghiệp hàng năm tuy vẫn có tăng nhưng vẫn chiếm một tỉ trọng rất nhỏ trong tổng vốn đầu tư phát triển do định hướng phát triển của thành phố, do đó nó chưa đáp ứng được yêu cầu đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng phục vụ cho quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp nông thôn của thành phố.

d. Thực hiện tốt và sử dụng hiệu quả các chính sách nông nghiệp

Trong thời gian qua tỉnh và thành phố đã ban hành nhiều chính sách về phát triển nông nghiệp và nông thôn như: Các chính sách về thuế, chính sách quản lý đất đai, chính sách tín dụng, chính sách ổn định sản xuất... được sửa đổi phù hợp với điều kiện thực tế của người dân. Các chính sách này đã tạo nhiều điều kiện thuận lợi cho ngành nông nghiệp phát triển, đặc biệt là người dân nắm rõ các chính sách và mục tiêu phát triển của thành phố nên sản xuất có sự ổn định, có cấu trúc từng bước chuyển dịch theo hướng tích cực, năng suất và chất lượng được nâng cao.

2.2.2. Thực trạng phát triển bền vững nông nghiệp về xã hội

a. Sử dụng hợp lý lao động

- Nông nghiệp là một lĩnh vực cần nhiều lao động, tuy nhiên trong thời gian qua lực lượng lao động tham gia vào lĩnh vực nông nghiệp ngày càng giảm do chuyển dịch cơ cấu kinh tế phù hợp với quá trình phát triển đô thị hóa của thành phố, sự chuyển dịch cơ cấu sử dụng lao động có những thay đổi đáng kể theo hướng tích cực, ngày càng phù hợp với yêu cầu và xu hướng công nghiệp hoá - hiện đại hoá của tỉnh Quảng Bình.

Có thể nói nông nghiệp thành phố Đồng Hới có khả năng tạo điều kiện giải quyết việc làm cho người lao động nhưng không lớn.

b. Thực hiện công bằng xã hội

Tăng trưởng kinh tế là làm giảm khoảng cách giàu nghèo, đảm bảo ổn định xã hội và nâng cao chất lượng cuộc sống cho người dân. Ổn định xã hội được biểu hiện bằng việc không có xung đột sắc tộc giữa các giai tầng trong xã hội.

- Về y tế: Mức độ thụ hưởng dịch vụ y tế của nhân dân thành phố ngày càng tăng lên về số lượng và chất lượng phục vụ. Công tác chăm sóc sức khỏe nhân dân ngày càng được tăng cường, chất lượng phục vụ tăng với số lượng bác sỹ năm 2012 tăng 1,2 lần so với năm 2006. Số giường bệnh trên vạn dân 63,3 giường năm 2006 lên 86,6 giường năm 2012. Số lượt khám chữa bệnh tăng 1,4 lần từ 134.300 lượt năm 2006 lên 190.807 lượt năm 2012. Tổng số bệnh nhân điều trị nội trú tăng 2,2 lần từ 5.750 người năm 2006 lên 12.618 người năm 2012.

- Về giáo dục: Mạng lưới các trường, lớp được phát triển rộng khắp trên toàn thành phố với 66 trường ở cả 4 bậc học từ mầm non cho đến trung học phổ thông. Các loại hình trường lớp ngày càng phát triển đáp ứng nhu cầu học tập của con em nhân dân trên địa bàn. Chất lượng giáo dục toàn diện ngày càng được tăng lên hàng năm, nhiều trường đã được công nhận là trường đạt chuẩn quốc gia.

c. Tăng thu nhập và góp phần xoá đói, giảm nghèo

Thu nhập bình quân đầu người là một trong những chỉ tiêu quan trọng để đánh giá mức độ phát triển kinh tế - xã hội của một địa phương. Trong thời từ 2002 đến 2010, kinh tế của thành phố Đồng Hới đã có sự phát triển vượt bậc, giá trị sản xuất của các ngành kinh tế tăng đáng kể góp phần làm tăng thu nhập bình quân đầu người của thành phố.

Bảng 2.23. Thu nhập bình quân đầu người theo khu vực

(Đơn vị tính: nghìn đồng)

Năm	Thành thị	Nông thôn
2002	4.272	2.376
2004	5.832	3.288
2006	8.268	4.536
2008	12.336	7.068
2010	18.072	10.092

(Nguồn: Niên giám thống kê tỉnh Quảng Bình, năm 2011)

Từ năm 2002 đến năm 2010, thu nhập bình quân đầu người cả khu

vực thành thị và nông thôn đều tăng gấp hơn 4,2 lần. Thu nhập bình quân đầu người tăng nhanh đã góp phần nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của người dân. Trong các ngành kinh tế của thành phố thì thu nhập của người lao động trong lĩnh vực nông nghiệp thấp hơn mức thu nhập bình quân của nội bộ ngành cũng như thấp hơn các ngành nghề khác. Thu nhập của ngành sản xuất nông nghiệp chỉ bằng 50% so với thu nhập của ngành thủy sản và chỉ bằng 0,46% so với thu nhập của lao động trong lĩnh vực thương nghiệp, dịch vụ.

2.2.3. Thực trạng phát triển bền vững nông nghiệp về môi trường

Tình trạng ô nhiễm môi trường diễn ra trên thành phố tuy không trầm trọng so với các địa phương khác nhưng cũng còn nhiều điều cần phải được quan tâm giải quyết.

a. Bảo vệ môi trường đất

- Quá trình phát triển kinh tế - xã hội, xây dựng cơ sở hạ tầng và tình trạng đô thị hóa trong những năm gần đây của thành phố Đồng Hới không chỉ làm thay đổi diện tích các loại đất mà còn ảnh hưởng đến tính chất lý - hóa của đất. Những tác động vật lý như xói mòn, khai thác khoáng sản, sản xuất, san lấp để xây dựng...

b. Bảo vệ nguồn nước

Môi trường nước bị ô nhiễm và chất lượng nước của các sông, hồ ngày càng xấu do nước thải phần lớn không được xử lý, nước thải bệnh viện xử lý không triệt để thải vào hệ thống nước chung gây ô nhiễm nguồn nước mặt;

Mức độ ô nhiễm nguồn nước hiện nay của thành phố chủ yếu gây khó khăn cho đời sống sinh hoạt của người dân.

c. Bảo vệ môi trường sinh thái

Môi trường không khí thành phố Đồng Hới chỉ bị ô nhiễm cục bộ một số nơi, cụ thể:

+ Một số điểm chăn nuôi tập trung chưa xử lý tốt chất thải, các điểm thu gom rác thải sinh hoạt ...

+ Môi trường không khí bị ô nhiễm do các loại xe vận chuyển vật liệu phục vụ các công trình xây dựng lưu thông trên địa bàn thành phố.

2.3. ĐÁNH GIÁ CHUNG VỀ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG NÔNG NGHIỆP THÀNH PHỐ ĐỒNG HỚI

2.3.1. Đánh giá chung

Với vị trí địa lý, nguồn tài nguyên thiên nhiên và tình hình kinh tế - xã hội như trên đã tạo cho sản xuất nông nghiệp của thành phố Đồng Hới có những thành tựu đạt được và những tồn tại hạn chế như sau:

a. Những thành tựu đạt được

Với những điều kiện thuận lợi sau khi trở thành thành phố trực thuộc tỉnh, Đồng Hới đã được ưu tiên tập trung nguồn lực cho phát triển kinh tế xã hội để trở thành trung tâm kinh tế, văn hóa, chính trị của tỉnh. Với mục tiêu như vậy thì tăng trưởng kinh tế có tầm quan trọng hàng đầu nhằm duy trì sự tăng trưởng cao và bền vững.

Giá trị sản xuất các ngành kinh tế tăng từ 3.329,11 tỷ đồng năm 2007 lên 6.308,51 tỷ đồng năm 2010 và năm 2012 đạt 8.812,84 tỷ đồng.

Năng suất một số loại cây lương thực thiết yếu và cây có giá trị kinh tế cao vẫn được có sự tăng trưởng như lúa, ngô, khoai lang, đậu các loại... Bên cạnh đó năng suất các loại rau xanh vẫn giữ ổn định, góp phần đảm bảo một phần nhu cầu lương thực, thực phẩm của nhân dân trên địa bàn.

Trong sản xuất nông nghiệp đã có kế hoạch quản lý, khai thác, sử dụng có hiệu quả các nguồn tài nguyên đất, nước... đem lại hiệu quả kinh tế cao và chú trọng trong bảo vệ môi trường sống ở nông thôn.

Kinh tế tăng trưởng, thu nhập bình quân/người/tháng tăng, tỷ lệ hộ nghèo giảm, tỷ lệ hộ sử dụng nước sạch, các tiện nghi trong sinh hoạt bảo đảm. Đời sống vật chất và tinh thần của người dân được tăng lên đáng kể.

Cơ sở hạ tầng nông thôn được đầu tư, diện mạo nông thôn thay đổi rõ nét, khang trang, sạch đẹp hơn nhiều. Y tế, giáo dục tiếp tục được quan tâm, đầu tư.

Các thiết chế văn hóa được bảo tồn, tôn tạo; bản sắc văn hóa

được giữ gìn và phát huy; tính cộng đồng dân tộc được giữ vững. Cảnh quan nông thôn ngày càng xanh, sạch, đẹp. Môi trường nông thôn ngày càng được quan tâm gắn liền với hoạt động phát triển kinh tế đảm bảo kế thừa cho thế hệ tương lai.

b. Những tồn tại, hạn chế

+ Nằm trong vùng đồng bằng duyên hải Miền Trung, đặc điểm khí hậu và thời tiết rất khắc nghiệt, thường xuyên đối mặt với nhiều thiên tai như nắng hạn, bão tố, lũ lụt... ảnh hưởng rất lớn đến sản xuất nông nghiệp.

+ Cơ cấu kinh tế chuyển dịch chậm, quy mô sản xuất nông nghiệp nhỏ, quá trình đô thị hóa đã ảnh hưởng đến nguồn tài nguyên thiên nhiên và phát triển bền vững ngành nông nghiệp.

+ Mật độ dân số phân bố không đều, chất lượng nguồn nhân lực còn hạn chế, khó khăn trong việc đào tạo, chuyển giao tiến bộ khoa học công nghệ trong sản xuất.

+ Đất nông nghiệp bị chia cắt thành nhiều thửa nhỏ, gây khó khăn cho việc quản lý và sử dụng có hiệu quả. Cơ sở hạ tầng nông nghiệp, nông thôn còn hạn chế, chưa đảm bảo để phát triển sản xuất hàng hóa, nhiều công trình thủy lợi bị hư hỏng nặng chưa được sửa chữa, khôi phục kịp thời để phục vụ sản xuất.

2.3.2. Nguyên nhân

Lực lượng lao động nông nghiệp tại thành phố Đồng Hới không nhiều, giá trị sản xuất ngành nông nghiệp không lớn nhưng tác động của nó đến đời sống kinh tế xã hội nhất là vùng nông thôn của thành phố thì không hề nhỏ. Hiện nay, nông nghiệp thành phố Đồng Hới nhỏ về quy mô và thấp về giá trị sản xuất, mặt khác do quá trình giải tỏa đất đai phục vụ cho phát triển hạ tầng đô thị đã tạo tâm lý bất an cho nông dân trong phát triển nông nghiệp, người dân không mạnh dạn đầu tư cho sản xuất, thậm chí chỉ sản xuất cầm chừng theo kiểu giữ đất.

Để phát triển bền vững nông nghiệp trên địa bàn, cần hạn chế và khắc phục những điểm yếu chính sau đây để tận dụng tốt những cơ

hội và hạn chế tối đa những thách thức:

+ Điểm quan trọng nhất là nên tập trung phát triển mạnh và đồng bộ cơ sở hạ tầng, đầu tư phát triển hệ thống thủy lợi.

+ Có biện pháp nâng cao hiệu quả sản xuất nông nghiệp.

+ Thúc đẩy công tác quy hoạch, quy hoạch phải có định hướng và mục tiêu rõ ràng, phù hợp với điều kiện phát triển từng vùng.

+ Nâng cao trình độ kỹ thuật công nghệ cho cán bộ kỹ thuật và người dân thông qua các lớp tập huấn, các cuộc triển lãm... khuyến khích, hướng dẫn và động viên người dân sử dụng công nghệ vào trong sản xuất nông nghiệp.

KẾT LUẬN CHƯƠNG 2

Trong những năm qua, thành phố Đồng Hới đã huy động nhiều nguồn lực để phát triển kinh tế nói chung và sản xuất nông nghiệp nói riêng. Kết quả bước đầu đã thực hiện chuyển dịch cơ cấu theo hướng giảm dần tỷ trọng giá trị sản xuất nông nghiệp, gia tăng giá trị sản xuất công nghiệp và dịch vụ. Từ đó thì sản xuất nông nghiệp của thành phố phát triển chưa thực sự bền vững, chưa kết hợp chặt chẽ, hài hòa và hợp lý ba mặt của sự phát triển bền vững là: Kinh tế, xã hội và môi trường. Vẫn còn tồn tại những hạn chế cần phải giải quyết đó là phát triển nông nghiệp chưa khai thác tối đa mọi nguồn lực nhằm đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của xã hội và gia tăng hiệu quả kinh tế từ hoạt động sản xuất nông nghiệp. Vấn đề giải quyết việc làm, yếu tố công bằng xã hội, nguy cơ ô nhiễm môi trường đất, nước và môi trường sinh thái...

CHƯƠNG 3

GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG NÔNG NGHIỆP THÀNH PHỐ ĐỒNG HỚI THỜI GIAN TỚI

3.1. CƠ SỞ CHO VIỆC ĐỀ XUẤT GIẢI PHÁP

3.1.1. Căn cứ vào sự biến động các yếu tố môi trường

Quá trình đô thị hóa với sự gia tăng của các công trình xây dựng, sự tăng lên của các nhà máy, xí nghiệp trên địa bàn thải ra nhiều chất thải gây ô nhiễm môi trường. Chất lượng môi trường đã bắt đầu có sự

ảnh hưởng, đã xuất hiện tình trạng ô nhiễm nguồn nước, ô nhiễm đất, ô nhiễm không khí. Việc ứng dụng các tiến bộ của khoa học công nghệ vào canh tác ngày càng rộng rãi làm tăng sự biến động chất đất, độ màu mỡ mà thiên nhiên ban tặng mất đi ngày càng nhiều, môi trường ô nhiễm ngày càng lớn.

3.1.2. Xuất phát từ sự phát triển của khoa học công nghệ

Phát triển bền vững nông nghiệp, với thế mạnh sẵn có về vị trí, điều kiện tự nhiên thuận lợi và trình độ kỹ thuật đang được nâng cao nên khi chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp, phát triển những mô hình sản xuất phù hợp sẽ có thể liên kết nông dân với nông dân, vùng với vùng, nhà nông - nhà nước - nhà khoa học - nhà doanh nghiệp..., thu hút đầu tư, học hỏi kinh nghiệm, tiếp thu công nghệ và kỹ năng quản lý từ các vùng và các nước.

3.1.3. Chiến lược phát triển kinh tế xã hội của thành phố Đồng Hới

Thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010 - 2020, với mục tiêu xây dựng nông thôn mới có kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội từng bước hiện đại; cơ cấu kinh tế và các hình thức tổ chức sản xuất hợp lý, gắn nông nghiệp với phát triển nhanh công nghiệp, dịch vụ; gắn phát triển nông nghiệp với đô thị theo quy hoạch;

Nghị quyết Đại hội đại biểu lần thứ XIX, Đảng bộ thành phố Đồng Hới, nhiệm kỳ 2010-2015 đề ra: Tập trung nâng cao chất lượng, hiệu quả các ngành kinh tế, tiếp tục đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng: dịch vụ - công nghiệp - nông nghiệp; phát huy những lợi thế so sánh, nâng cao năng lực cạnh tranh, thúc đẩy phát triển nhanh nền kinh tế.

3.1.4. Các quan điểm có tính nguyên tắc khi xây dựng giải pháp

- Con người là trung tâm của phát triển bền vững nông nghiệp.
- Coi phát triển kinh tế là nhiệm vụ trung tâm của giai đoạn phát triển sắp tới, đảm bảo an ninh lương thực, năng lực để phát triển bền vững, bảo đảm vệ sinh và an toàn thực phẩm cho nhân dân.
- Bảo vệ và cải thiện chất lượng môi trường phải được coi là một

yếu tố không thể tách rời trong quá trình phát triển nông nghiệp.

- Quá trình phát triển phải đáp ứng một cách công bằng nhu cầu của thể hệ hiện tại và không gây trở ngại với cuộc sống thế hệ tương lai.

- Phát triển bền vững nông nghiệp là sự nghiệp của toàn Đảng, các cấp chính quyền, các ban ngành địa phương, của các cơ quan danh nghiệp, của đoàn thể xã hội, các cộng đồng dân cư và mọi người dân.

- Kết hợp chặt chẽ giữa phát triển kinh tế, phát triển xã hội và bảo vệ môi trường gắn với bảo đảm an ninh quốc phòng, trật tự an toàn xã hội.

3.2. CÁC GIẢI PHÁP CỤ THỂ ĐỂ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG NÔNG NGHIỆP THÀNH PHỐ ĐỒNG HỚI, TỈNH QUẢNG BÌNH

3.2.1. Giải pháp phát triển bền vững nông nghiệp về kinh tế

Về quy hoạch định hướng sản xuất:

+ Về tổ chức sản xuất nông nghiệp:

Định hướng và hình thành các vùng sản xuất tập trung, thâm canh, sản xuất hàng hóa phù hợp với nhu cầu của thị trường tiêu thụ sản phẩm. Trong đó tập trung quy hoạch hình thành các vùng chuyên canh như sau:

* Vùng trồng lúa thâm canh có năng suất cao, chất lượng phù hợp tập trung ở các xã Đức Ninh, Nghĩa Ninh, Lộc Ninh và một số diện tích ở phường Bắc Lý, Phú Hải với diện tích khoảng 1.000 ha trên các chân ruộng chủ động nước.

* Vùng trồng rau, trồng hoa, cây cảnh tập trung ở các phường Đồng Phú, Bắc Lý, Nam Lý, Bảo Ninh.

* Vùng trồng cây ăn quả, trồng cỏ chăn nuôi tập trung ở xã Quang Phú, Lộc Ninh, Thuận Đức, Bắc Nghĩa.

* Cây công nghiệp hàng năm: Giữ ổn định diện tích cây lạc.

* Các loại cây màu: Sử dụng các giống cây khoai lang có năng suất và chất lượng cao, phù hợp với nhu cầu của thị trường.

* Cây công nghiệp lâu năm và cây ăn quả: Vận động nhân dân rà

soát lại hệ thống cây ăn quả, cây nào không có giá trị kinh tế thì loại bỏ dần để chuyển sang trồng các loại cây có giá trị kinh tế và phù hợp với điều kiện thổ nhưỡng, khí hậu của Đồng Hới.

+ Về quy hoạch ngành chăn nuôi:

Tổ chức lại sản xuất chăn nuôi theo hướng công nghiệp gắn với việc thực hiện chặt chẽ các quy định về phòng chống dịch bệnh đảm bảo chăn nuôi phát triển bền vững. Tập trung phát triển chăn nuôi chủ yếu ở các xã Đức Ninh, Nghĩa Ninh, Lộc Ninh, Thuận Đức; đối với các phường nội thị như Đồng Mỹ, Hải Đình, Đồng Phú không khuyến khích phát triển và đến năm 2015 chấm dứt hẳn chăn nuôi tại các khu vực này.

+ Về quy hoạch phát triển ngành thủy sản:

Phát triển mạnh kinh tế biển trở thành ngành kinh tế quan trọng của thành phố. Khai thác tốt tiềm năng, lợi thế để phát triển toàn diện cả đánh bắt, nuôi trồng, chế biến và dịch vụ. Phân đấu sản lượng thủy sản đến năm 2015 đạt 9.200 tấn, đến năm 2020 đạt 10.200 tấn. Diện tích nuôi trồng đến năm 2015 đạt 550 ha, đến năm 2020 đạt 580 ha.

Về hỗ trợ phát triển sản xuất và tạo thị trường đầu ra cho sản phẩm:

Tạo đầu ra ổn định cho sản phẩm nông nghiệp, kết hợp hiệu quả nông nghiệp với công nghiệp chế biến, du lịch dịch vụ, tập trung vào các lĩnh vực sau:

- + Dịch vụ kỹ thuật giống cây trồng, vật nuôi.
- + Phát triển các dịch vụ thương mại.
- + Dịch vụ vận tải, cơ khí hóa nông nghiệp.
- + Dịch vụ thú y và dịch vụ giết mổ gia súc, gia cầm.
- + Khôi phục, phát triển các làng nghề truyền thống như.
- + Đẩy mạnh ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật trong sản xuất, nhất là công nghệ sinh học trong lựa chọn, tạo và nhân giống.
- + Hoàn thiện hệ thống cơ sở hạ tầng nông nghiệp, chú trọng công tác kiên cố hóa kênh mương tưới tiêu nội đồng.
- + Có chính sách ưu đãi trong việc vay vốn cho đầu tư sản xuất của người nông dân.

Thực hiện tốt và sử dụng hiệu quả các chính sách nông nghiệp

Các chính sách tác động trực tiếp, gián tiếp đến sự phát triển của ngành nông nghiệp như: Chính sách ruộng đất, chính sách đầu tư, chính sách tín dụng, chính sách xuất khẩu nông sản, chính sách giá cả thị trường, chính sách khuyến nông, khuyến ngư, chính sách cơ cấu nông nghiệp, nông thôn...

3.2.2. Giải pháp phát triển bền vững nông nghiệp về xã hội ***Giải quyết việc làm***

Phát triển nông nghiệp là một biện pháp để giải quyết việc làm cho nông dân chưa thể chuyển ngay sang lao động công nghiệp và các ngành nghề khác, tạo điều kiện để trong quá trình đô thị hóa ít có sự xáo trộn về lực lượng lao động.

Thu hẹp khoảng cách giàu nghèo và thực hiện công bằng xã hội

Thu hẹp khoảng cách giàu nghèo giữa khu vực thành thị và nông thôn, tăng thu nhập, cụ thể:

+ Giải quyết tốt chính sách đất đai nhằm đảm bảo đất canh tác cho người nông dân.

+ Thực hiện tốt các biện pháp hỗ trợ của nhà nước dành cho người nghèo nhằm giúp họ có điều kiện tiếp cận các phương án sản xuất có hiệu quả để thoát nghèo.

+ Hỗ trợ công tác đào tạo nghề, nâng cao khả năng học tập, nâng cao trình độ dân trí, tạo lập các yếu tố để ổn định việc làm, tránh hiện tượng tái nghèo.

+ Thực hiện các chính sách, chương trình khuyến nông của Nhà nước để tăng thêm nguồn lực sản xuất cho người nghèo nhằm tăng thu nhập cải thiện mức sống.

Nâng cao chất lượng y tế - chăm sóc sức khỏe

Tiếp tục nâng cao hiệu lực quản lý nhà nước trong lĩnh vực y tế, thực hiện quản lý nhà nước bằng pháp luật đi đôi với tăng cường kiểm tra, giám sát các cơ sở y tế trong việc thực hiện nhiệm vụ chăm sóc sức khỏe nhân dân.

Nâng cao năng lực chuyên môn và y đức của đội ngũ bác sỹ, nhân viên y tế để nâng cao chất lượng khám, chữa bệnh, điều trị cho nhân dân. Huy động mọi nguồn lực để đầu tư nâng cấp và hoàn thiện mạng lưới y tế

cơ sở, trang thiết bị y tế cho các trạm y tế xã, phường. Phân đầu giữ vững 100% xã, phường đạt chuẩn quốc gia về y tế, giảm tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng xuống dưới 7% vào năm 2015 và đạt 5% vào năm 2020.

Nâng cao chất giáo dục và đào tạo

Đổi mới công tác quản lý giáo dục, tiếp cận và đẩy mạnh công tác cải cách hành chính từ ngành đến trường, đảm bảo vận hành theo hướng khoa học, hiện đại, đơn giản nhưng hiệu quả. Xây dựng đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục có trình độ phù hợp với chức năng nhiệm vụ.

Phân đầu đến năm 2015 có 90-95% trường đạt chuẩn Quốc gia; có 100% giáo viên đạt chuẩn, giữ vững 98-100% trẻ trong độ tuổi đến trường mầm non, 70% giáo viên đạt trên chuẩn. Đến năm 2020 có 80% giáo viên đạt trên chuẩn, 100% trường đạt chuẩn quốc gia, có 50% trường học có nhà tập đa năng.

3.2.3. Giải pháp phát triển bền vững nông nghiệp về môi trường

Khai thác hợp lý, bảo vệ và sử dụng có hiệu quả nguồn tài nguyên thiên nhiên gắn với bảo vệ môi trường sinh thái, phát triển bền vững. Xây dựng Đồng Hới trở thành đô thị biển xanh, sạch, đẹp, văn minh và có môi trường thân thiện. Phân đầu đến năm 2015 có 95%, đến năm 2020 có 100% cơ sở sản xuất mới phải áp dụng công nghệ sạch hay trang bị các thiết bị giảm thiểu ô nhiễm môi trường đô thị. Tỷ lệ rác và chất thải rắn được thu gom và xử lý đến năm 2015 đạt 85-90%, đến năm 2020 đạt trên 95%. Tỷ lệ nước thải thu gom và xử lý đến năm 2015 đạt 70%, đến năm 2020 đạt trên 80%.

Giải pháp cụ thể để thực hiện được các mục tiêu trên bao gồm:

- Tiếp tục hoàn thiện các chính sách về đất đai, tài nguyên nước, khoáng sản, môi trường và đưa các quy định pháp luật này vào cuộc sống nhằm quản lý, sử dụng có hiệu quả, tiết kiệm tài nguyên thiên nhiên; hạn chế tiến tới ngăn chặn tối đa mức độ gia tăng ô nhiễm, suy thoái môi trường, bảo vệ đa dạng sinh học.

- Phát triển nền nông nghiệp sạch và nông nghiệp hữu cơ trên cơ sở khai thác và hiện đại hóa những kinh nghiệm sản xuất truyền thống sẵn

có ở địa phương.

+ Sản xuất và sử dụng rộng rãi các loại giống cây trồng, vật nuôi có khả năng kháng bệnh và sâu rầy. Hạn chế đến mức tối đa việc sử dụng các loại thuốc thú y và thuốc trừ sâu bệnh từ các chế phẩm hóa học.

+ Sử dụng rộng rãi các chế phẩm sinh học, thảo dược để phòng chống sâu bệnh, kích thích sinh trưởng cây trồng, vật nuôi. Giảm đến mức tối đa việc sử dụng các chế phẩm hóa học, nếu dùng thì phải dùng đúng lúc, đúng cách, đúng liều lượng và đúng thời gian cho phép.

+ Thường xuyên hướng dẫn cách sử dụng đối với các hóa chất dùng trong nông nghiệp như phân bón, thuốc bảo vệ thực vật. Tổ chức thu gom, xử lý, chôn lấp tập trung vỏ chai thuốc, chất thải rắn, chất thải nguy hại để hạn chế ảnh hưởng đến môi trường và nguồn nước xung quanh.

- Xây dựng và triển khai các chính sách khuyến khích phát triển chăn nuôi “sạch”, hỗ trợ xây dựng các công trình xử lý chất thải chăn nuôi. Quy hoạch chăn nuôi và đẩy mạnh công tác quản lý nhà nước về môi trường trong chăn nuôi. Thực hiện quản lý công tác kiểm dịch động vật, kiểm soát giết mổ; thực hiện tiêm phòng gia súc, gia cầm theo định kỳ.

- Đổi mới trang thiết bị cho nông nghiệp nhằm làm giảm nhẹ ô nhiễm môi trường, khuyến khích nông dân đầu tư sản xuất theo chiều sâu để đổi mới công nghệ thiết bị, hiện đại hóa công nghệ truyền thống, áp dụng nhiều công nghệ mới vào sản xuất với tiêu chí đạt hiệu quả kinh tế và giảm thiểu ô nhiễm môi trường.

- Tăng cường công tác tuyên truyền cho mọi người dân trong vùng về Luật Bảo vệ môi trường và các phương pháp làm giảm thiểu ô nhiễm môi trường. Các cấp chính quyền vận động và quán triệt trong toàn thể nhân dân trên địa bàn ký hợp đồng với Công ty môi trường đô thị trong việc thu gom và xử lý rác thải sinh hoạt, đảm bảo môi trường xanh sạch đẹp để giảm ô nhiễm môi trường và phát triển bền vững.

- Tăng cường kiểm tra, giám sát về môi trường tại các khu công nghiệp, khu du lịch và các khu dân cư, xử lý nghiêm các doanh nghiệp, các cơ sở sản xuất - kinh doanh gây ô nhiễm môi trường.

KẾT LUẬN

Phát triển bền vững nông nghiệp là con đường tất yếu trong phát triển nông nghiệp của các địa phương cũng như của các quốc gia, trong đó phải đảm bảo phát triển bền vững về kinh tế, bền vững về xã hội và bền vững về môi trường. Qua việc phân tích đánh giá tình hình phát triển nông nghiệp của thành phố Đồng Hới hiện nay có thể thấy nông nghiệp thành phố đã đạt được một số thành tựu nhất định, tuy vậy vẫn còn vấp phải không ít khó khăn và tồn tại kim hãm sự phát triển của nông nghiệp thành phố như: tốc độ đô thị hóa nhanh dẫn đến thu hẹp diện tích đất cho sản xuất nông nghiệp; tác động của thiên tai, hạn hán, bão lụt; công tác cải tiến khoa học kỹ thuật áp dụng vào sản xuất còn chậm... Chất lượng sản phẩm nông nghiệp của thành phố còn chưa cao, năng suất lao động thực tế còn thấp nếu so sánh với các địa phương khác, thương hiệu của các sản phẩm chưa được định hình rõ ràng trên thị trường, tác động môi trường của ngành còn nhiều diễn biến phức tạp, chính sách quản lý và định hướng phát triển của chính quyền địa phương chưa đồng bộ... đã tác động đến sự phát triển của ngành và định hướng phát triển bền vững nông nghiệp của thành phố. Vì vậy, trong tương lai, để có thể phát triển bền vững nông nghiệp của thành phố cần có sự quan tâm ủng hộ và đồng lòng của chính quyền thành phố cũng như người dân địa phương để phát huy những kết quả đã đạt được, khắc phục khó khăn gặp phải để nâng cao giá trị, chất lượng nông nghiệp, phát triển bền vững thành phố phù hợp với định hướng phát triển trong tương lai.